

**ĐỀ ÁN THÚC ĐẨY HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ
TRONG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN ĐẾN NĂM 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-HTQT ngày tháng năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

I. QUAN ĐIỂM

- Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại: tự chủ, hữu nghị, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại; là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; tuân thủ quy định luật pháp các nước và luật pháp quốc tế;
- Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả các hoạt động đối ngoại, đưa các mối quan hệ đối ngoại đi vào chiều sâu, thực chất, thiết thực;
- Xác định nông nghiệp là lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh cần tích cực, chủ động thúc đẩy tại các diễn đàn đa phương nhằm thực hiện chủ trương đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương của Việt Nam;
- Phát huy tốt nhất lợi thế của nông nghiệp Việt Nam, xây dựng và nâng cao uy tín của ngành nông nghiệp Việt Nam, thúc đẩy phát triển bền vững và bao trùm cho Việt Nam, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững toàn cầu;
- Đẩy mạnh công tác huy động hiệu quả các nguồn lực và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế để phát triển bền vững ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, nâng cao vị thế và uy tín của nông nghiệp Việt Nam;
- Tận dụng tốt nhất các mối quan tâm toàn cầu về an ninh lương thực, an toàn sinh học, bền vững môi trường, ứng phó với BĐKH, bảo tồn đa dạng sinh học; chuyên đổi hệ thống lương thực, thực phẩm theo hướng bền vững và các mối quan tâm khác.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tham gia tích cực, chủ động, có trách nhiệm trong quá trình toàn cầu hóa, góp phần xây dựng và phát triển bền vững nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, nông nghiệp thông minh của Việt Nam. Nâng cao vị thế, hình ảnh, khả năng cạnh tranh của nền nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam trong nền nông nghiệp toàn cầu. Chủ động tham gia một cách tích cực vào các hoạt động, sáng kiến nhằm giải quyết các thách thức của nông nghiệp toàn cầu. Phát huy tính chủ động, sáng tạo trong huy động nguồn lực con người, công nghệ, tài chính, thu hút đầu tư từ bên ngoài phục vụ cho sự phát triển nhanh và bền vững của nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 70 tỷ USD, mỗi ngành hàng chủ lực có ít nhất 1 nhãn hiệu hoặc thương hiệu được công nhận tại các thị trường trọng điểm.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký trong lĩnh vực nông nghiệp đạt 25 tỷ USD, trong đó có 30% dự án đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh, kết nối nông dân và doanh nghiệp trong nước với chuỗi toàn cầu.
- Thu hút vốn vay đạt 5 tỷ USD, viện trợ không hoàn lại đạt 1 tỷ USD đến 2030 theo các ưu tiên của ngành nông nghiệp và PTNT.
- Dẫn đầu ít nhất 01 sáng kiến toàn cầu hoặc khu vực trong các lĩnh vực thương mại bền vững, tăng trưởng xanh và bao trùm, đổi mới sáng tạo, đối tác công tư, hợp tác Nam - Nam ngành nông nghiệp và PTNT tại các Diễn đàn toàn cầu và khu vực (UN, FAO, WTO, WEF, APEC, ASEAN).
- Mỗi năm chuyển giao ít nhất 01 công nghệ mới hoặc 01 mô hình tổ chức sản xuất mới từ nước ngoài cho ngành nông nghiệp và PTNT.
- Mỗi năm có ít nhất 200 lượt cán bộ, sinh viên, thực tập sinh được đào tạo, tập huấn tại nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT.
- Thúc đẩy hợp tác nông nghiệp với các nước Châu Phi theo hình thức song phương hoặc ba bên, trước mắt là thực hiện thành công dự án 3 bên FAO - Sierra Leone - Việt Nam.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Chủ động hội nhập quốc tế, phát huy lợi thế tốt nhất của ngành nông nghiệp Việt Nam

Nâng cao hiệu quả tận dụng các cam kết quốc tế của Việt Nam, chú trọng đến chất lượng, giá trị gia tăng, thương hiệu và tính bền vững, tác động lan toả để nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp, Việt Nam thông qua:

- Tiếp tục chủ động tham gia đàm phán, ký kết các FTA, đặc biệt các FTA thế hệ mới. Tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện các FTA đã ký một cách có hiệu quả. Thúc đẩy việc phê chuẩn Hiệp định trợ cấp nghề cá trong WTO theo đúng lộ trình cũng như tích cực tham gia đàm phán giai đoạn 2 của Hiệp định.
- Xây dựng chương trình hài hòa hóa về hệ thống kiểm dịch và quản lý chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn môi trường và xã hội theo các công ước quốc tế và các nước có tiềm năng. Tăng cường vai trò của nông nghiệp Việt Nam trong việc thiết lập các tiêu chuẩn thị trường mới qua các diễn đàn đa phương và khu vực (WTO, FAO, CODEX, ASEAN, APEC...). Huy động nguồn hỗ trợ và chuyên gia của các nước tiên tiến để xây dựng và xác nhận các tiêu chuẩn kỹ thuật cho hàng nông lâm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam. Chủ động đề xuất các sáng kiến, chương trình, dự án hợp tác để phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, hướng đến nông nghiệp xanh, sinh thái, bền vững trong các cơ chế hợp tác tại tiểu vùng Mê Công.

- Huy động hệ thống truyền thông đa phương tiện, phối hợp chặt chẽ với các Hiệp hội ngành hàng và các địa phương để tuyên truyền, phổ biến các FTA, quy định của các nước nhập khẩu. Tổ chức Diễn đàn triển vọng thị trường tại các thị trường xuất khẩu lớn; mời chuyên gia nước ngoài tham gia Diễn đàn để phổ biến thông tin cung - cầu, thị hiếu, quy định, chính sách mới của các thị trường xuất khẩu lớn.

- Nâng cao vị thế, khả năng cạnh tranh và thị phần của các ngành hàng nông lâm thủy sản Việt Nam tại các thị trường lớn và mức thu nhập cao (Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Đông Bắc Á, Canada, Hàn Quốc, Úc-NZ) qua đó thúc đẩy chuyển đổi nông nghiệp Việt Nam theo hướng sinh thái, hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, hỗ trợ tăng thu nhập cho người sản xuất. Nghiên cứu đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản sang ASEAN, Trung Đông, Liên minh kinh tế Á - Âu, châu Phi, châu Mỹ Latinh, tập trung vào các nước là đầu mối nhập khẩu của vùng, có GDP từ 200 tỷ USD trở lên. Xây dựng kế hoạch hành động để phát triển ngành nông nghiệp Hala tại Việt Nam.

- Xây dựng thương hiệu nhà xuất khẩu nông lâm thủy sản có trách nhiệm - minh bạch - bền vững trên toàn cầu. Tích hợp đa giá trị trong xuất khẩu nông lâm thủy sản: gắn xuất khẩu nông lâm thủy sản với ẩm thực, văn hóa, du lịch và môi trường. Xây dựng, đăng ký và bảo hộ thương hiệu nông sản Việt Nam tại các thị trường trọng điểm. Tham gia xây dựng thương hiệu nông sản tiêu vùng Mê Công để nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị tại khu vực.

- Xây dựng Chiến lược và Kế hoạch hành động tiếp cận và mở cửa thị trường với các đối tác thương mại lớn, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo cân đối lợi ích tổng thể về kinh tế, chính trị, ngoại giao giữa Việt Nam và các nước. Mỗi năm có ít nhất 3- 5 mặt hàng nông lâm thủy sản của Việt Nam được mở cửa thị trường.

- Xây dựng Chiến lược định hướng nhập khẩu nông lâm thủy sản, đảm bảo cân đối với các mục tiêu phát triển của ngành, kết hợp với thu hút đầu tư và chuyển giao công nghệ. Tận dụng việc ký kết các hợp đồng nhập khẩu nông lâm thủy sản để yêu cầu các đối tác thương mại mở cửa thị trường và tạo điều kiện cho hàng xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam.

- Xây dựng và triển khai đề án Marketing ngành nông nghiệp Việt Nam. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao, Công Thương, Văn hóa - Thể thao - Du lịch để quảng bá hình ảnh của ngành nông nghiệp và PTNT Việt Nam. Tận dụng các chuyên thăm của Nguyên thủ quốc gia, Lãnh đạo Bộ để đàm phán mở cửa thị trường, kết nối doanh nghiệp, thúc đẩy thương mại, đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp. Đẩy mạnh hợp tác công tư; huy động sự tham gia của doanh nghiệp, chuyên gia nông nghiệp, kết hợp tổ chức quảng bá sản phẩm nông nghiệp để kết nối đối tác, vận động xử lý các vướng mắc cụ thể, cùng xây dựng kế hoạch tổ chức Diễn đàn kết nối doanh nghiệp hàng năm tại các thị trường lớn; tăng cường sự phối hợp với các cơ quan ngoại giao, thương mại, du lịch và các hiệp hội ngành hàng trong xúc tiến thương mại.

- Xây dựng liên minh giữa các nhà xuất khẩu nông lâm thủy sản lớn của Việt Nam với các đầu mối nhập khẩu tại các thị trường lớn nhằm: (i) Đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, bền vững; (ii) Giảm chi phí: chi phí phát triển vùng nguyên liệu, chế biến, logistics; (iii) Phát triển kênh phân phối ổn định tại các thị trường lớn, hình thành các khu bán hàng Việt, tham gia sâu vào kênh phân phối hiện đại.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ xuất khẩu nông sản: hệ thống kho bãi đặc biệt là kho lạnh, dịch vụ hậu cần, trung tâm giao dịch/logistics tại các cảng trung chuyển; xây dựng nền tảng điện tử, truy xuất nguồn gốc, phòng lab xét nghiệm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang các thị trường lớn.

- Xây dựng nhóm chuyên trách theo dõi, giám sát thường xuyên thông tin thị trường và chính sách thương mại tại các nhóm thị trường. Tuyên dụng mới và nâng cao năng lực cán bộ để tham gia xử lý tranh chấp trong thương mại và đầu tư nông nghiệp giữa Việt Nam và các nước. Tận dụng các Diễn đàn đa phương có tiếng nói ủng hộ nông nghiệp Việt Nam trong xử lý tranh chấp. Phối hợp với các Hiệp hội ngành hàng nông lâm thủy sản của Việt Nam để cử thành viên tham gia các Hiệp hội ngành hàng của các thị trường nhập khẩu lớn, ít nhất gồm Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Anh, Nhật Bản. Xây dựng kế hoạch để xử lý dứt điểm Thẻ vàng IUU đối với ngành thủy sản.

- Xây dựng hệ thống phòng vệ thương mại, hệ thống cảnh báo sớm nhằm khai thác hiệu quả lợi ích và hạn chế đến mức thấp nhất tác động tiêu cực từ việc hội nhập kinh tế quốc tế.

- Xây dựng kế hoạch hỗ trợ các sản phẩm nông nghiệp chủ động vượt qua được các hàng rào kỹ thuật thông qua kết hợp các biện pháp quản lý nông nghiệp với nỗ lực của doanh nghiệp

2. Tăng cường quan hệ đối tác, xây dựng hình ảnh tốt đẹp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam

Chủ động, tích cực tham gia đóng góp tại các khuôn khổ hợp tác đa phương thông qua việc đề xuất các sáng kiến hợp tác mới, phát huy vai trò nòng cốt thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT tại các diễn đàn đa phương; tích cực tham gia thảo luận xây dựng các khuôn khổ, luật lệ phù hợp với quan tâm và lợi ích của Việt Nam, tăng cường đảm trách các trọng trách đa phương, ứng cử vào các vị trí quan trọng tại các tổ chức quốc tế có liên quan; thúc đẩy nội hàm hợp tác về NN & PTNT trong quan hệ song phương, cụ thể gồm:

- Mở rộng quan hệ đối tác chiến lược và toàn diện trong lĩnh vực nông nghiệp với các đối tác lớn. Nâng cao chất lượng hoạt động của các Ủy ban liên Chính phủ (UBLCP), đối tác chiến lược hiện có, đảm bảo thực chất, hiệu quả.

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương, Bộ Nội vụ và các tổ chức quốc tế xây dựng chương trình ứng cử người Việt Nam tham gia các tổ chức đa phương lớn như UN, FAO, WTO, WB, ADB, WEF, ASEAN, APEC, các hiệp hội ngành hàng quốc tế. Xây dựng Đề án mở rộng mạng lưới Tham tán nông nghiệp tại các thị trường lớn (Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc,

Nga, Úc-NewZealand, v.v...) trên cơ sở báo cáo đánh giá hiệu quả của Đề án thí điểm và việc thực hiện chỉ đạo mới của Bộ Chính trị liên quan đến vấn đề biên chế tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

- Xây dựng và triển khai các chương trình/dự án cấp toàn cầu và khu vực: Hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch - trách nhiệm - bền vững với LHQ, Trung tâm kết nối đổi mới sáng tạo với WEF, Sống cùng Việt Nam (Vietnam for Life) với WWF. Tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh hoạt động thực chất và hiệu quả của các Nhóm đối tác trong ngành nông nghiệp: Nhóm hỗ trợ quốc tế ngành nông nghiệp (ISG), Văn phòng đối tác công - tư cho phát triển nông nghiệp bền vững (PSAV), Đối tác Một sức khỏe (One Health), Đối tác Nước và vệ sinh nông thôn, Nhóm điều phối quốc tế hỗ trợ Chương trình chuyển đổi nông nghiệp bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long; đối tác giảm nhẹ thiên tai.

- Đẩy mạnh việc tham gia/hợp tác với các Liên minh/Uỷ ban quốc tế nhằm giải quyết các vấn đề về xuyên biên giới như quản lý sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên nước sông Mê Công, phòng chống rủi ro thiên tai, cứu nạn, cứu hộ, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, đa dạng sinh học, chống sa mạc hóa v.v... để góp phần đảm bảo an ninh lương thực và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

- Xây dựng và triển khai Khung hợp tác Nam - Nam theo hình thức 3 bên, huy động hỗ trợ của các nhà tài trợ đa phương, song phương đưa chuyên gia, kỹ thuật viên nông nghiệp Việt Nam sang hỗ trợ các nước đang phát triển. Huy động các Hiệp hội ngành hàng để lựa chọn doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam sang đầu tư tại các nước cùng với việc hỗ trợ chuyên gia, tận dụng tốt nhất lợi thế của Việt Nam về công nghệ, thương mại và đầu tư nông nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch đưa hợp tác nông nghiệp và nội dung chương trình nghị sự song phương với các nước, kết hợp hài hoà các nội dung ta có lợi ích và bạn quan tâm trong lĩnh vực nông nghiệp và thương mại nông sản.

- Tăng cường giám sát việc thực hiện hiệu quả các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đã ký kết; trong đó lưu ý theo dõi, đánh giá tình hình, kết quả, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý trong triển khai thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế; tiến hành hoặc phối hợp với Bộ, ngành có liên quan. Xác định những trường hợp triển khai cam kết, thỏa thuận quốc tế chưa tương xứng với khả năng và yêu cầu hợp tác, đề chủ động tiến hành hoặc kiến nghị với cấp có thẩm quyền biện pháp thích hợp.

- Phối hợp chặt chẽ với các địa phương và hiệp hội ngành hàng trong tất cả các hoạt động hợp tác quốc tế của Bộ Nông nghiệp và PTNT: hội nghị, hội thảo, kết nối thương mại, đầu tư, tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực, chuyển giao công nghệ....

- Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chính sách.

- Xây dựng và cập nhật thường xuyên thông tin về các đối tác quốc tế đa phương, song phương. Đảm bảo có thư thăm hỏi các đối tác quốc tế vào những sự kiện quan trọng (năm mới, kỷ niệm quan hệ ngoại giao, nhậm chức...).

- Xây dựng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ hợp tác quốc tế của ngành nông nghiệp và PTNT; đào tạo, bổ nhiệm công chức đảm bảo chất lượng năng lực chuyên nghiệp và đạo đức, trách nhiệm; đào tạo cán bộ về kỹ năng đàm phán, pháp lý, phân tích thị trường, quản lý nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, thông minh; thực hiện cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài phù hợp. Tận dụng tốt các nguồn hỗ trợ quốc tế để cử cán bộ hợp tác quốc tế của ngành tham gia các khóa đào tạo, tập huấn của các đối tác đa phương và song phương lớn của ngành nông nghiệp và PTNT của Việt Nam.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông quảng bá hình ảnh nông nghiệp, nông thôn Việt Nam ra nước ngoài. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến nhằm tăng cường, nâng cao nhận thức về công tác hợp tác quốc tế, khai thác hiệu quả hội nhập quốc tế, triển khai hiệu quả các hiệp định, điều ước, thỏa thuận quốc tế đã ký kết trong toàn ngành nông nghiệp và PTNT.

- Xây dựng Quy chế hợp tác quốc tế ngành nông nghiệp và PTNT, thống nhất đầu mối quản lý và tác phong hợp tác quốc tế. Xây dựng và phổ biến quy định về các nghi lễ, nghi thức, phép ứng xử trong quan hệ quốc tế ngành nông nghiệp và PTNT. Tổ chức thi thiết kế logo của Bộ Nông nghiệp và PTNT trong giai đoạn phát triển mới. Lựa chọn quà tặng thống nhất của ngành nông nghiệp và chuẩn bị đủ kinh phí mua quà tặng để sử dụng trong các chuyến thăm của Nguyên thủ quốc gia, Lãnh đạo Bộ và các đơn vị.

3. Tối ưu hóa việc huy động và sử dụng nguồn lực bên ngoài cho ngành nông nghiệp và PTNT Việt Nam

Xây dựng và triển khai tốt Quy chế quản lý ODA trong ngành nông nghiệp và PTNT, đảm bảo hiệu quả đồng bộ trong quá trình chuẩn bị, triển khai và nghiệm thu dự án. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý thống nhất các nguồn vốn có yếu tố nước ngoài trong ngành nông nghiệp và PTNT.

Tăng cường thu hút nguồn vốn vay ODA cho các lĩnh vực ưu tiên, phù hợp với quy định hiện hành của Việt Nam: xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, chuyên giao công nghệ về phương pháp giám sát quản lý nước, hồ chứa nước nhằm bảo đảm an ninh nguồn nước cho sản xuất và sinh hoạt nông thôn, phòng chống thiên tai, hạ tầng thủy sản, khu neo đậu tránh trú bão, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, kết nối chuỗi giá trị, nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, phát thải thấp, phát triển nông thôn tổng hợp; thực hiện các cam kết quốc tế về BĐKH trong lĩnh vực AFOLU và NDC2022; cam kết cắt giảm khí Mê-tan, cam kết về rừng và sử dụng đất, v.v... để thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào 2050. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các địa phương để đề xuất các dự án liên vùng trong sử dụng vốn vay ODA. Xây dựng, cập nhật Đề án thu hút và quản lý các dự án vốn vay ODA đồng bộ, thống nhất, hỗ trợ tốt nhất cho nguồn đầu tư phát triển từ ngân sách, kích hoạt và hỗ trợ tốt cho đầu tư tư nhân trong ngành nông nghiệp và PTNT.

Tăng cường thu hút nguồn viện trợ không hoàn lại cho các lĩnh vực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo, nâng cao năng lực cho địa phương và tổ nhóm

nông dân, phát triển cộng đồng, xây dựng nông thôn mới, logistics cho chuỗi giá trị nông nghiệp, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, giảm phát thải, tích hợp đa giá trị, kết nối chuỗi, đối tác công - tư. Xây dựng, cập nhật Đề án thu hút và quản lý các dự án viện trợ không hoàn lại, đảm bảo tính hiệu quả, tự chủ của phía Việt Nam, phù hợp với các quy định của đối tác quốc tế. Tận dụng các nguồn viện trợ không hoàn lại, đặc biệt từ nguồn hỗ trợ cho phòng chống thiên tai, thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, giảm phát thải để tăng thành tố ưu đãi của các khoản vay. Đề ứng phó với những thách thức của BĐKH cũng như thực hiện chiến lược xây dựng nền kinh tế carbon thấp đòi hỏi Việt Nam phải huy động một nguồn tài chính rất lớn. Vì vậy, để có thêm nguồn lực giải quyết nhu cầu giảm nhẹ và thích ứng BĐKH, ngành nông nghiệp cần tiếp cận và khai thác nguồn hỗ trợ từ Quỹ khí hậu xanh - Green Climate Fund (GCF). Đây là một nguồn quỹ khá phong phú được huy động từ các khoản đóng góp từ các nước phát triển tham gia vào Công ước khung Liên hợp quốc về BĐKH (UNFCCC) và cả các nguồn khác từ khu vực công, tư nhân... để hỗ trợ cho các nước đang phát triển dưới dạng viện trợ không hoàn lại, góp vốn hoặc cho vay. Đẩy mạnh việc thu hút các nguồn lực từ chi trả, mua bán, trao đổi tín chỉ các bon nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả phát triển nông nghiệp bền vững, tăng trưởng xanh và các bon thấp.

Đẩy mạnh hợp tác với Liên minh tư vấn nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế (CGIAR) và các tổ chức nghiên cứu quốc tế khác để tranh thủ nguồn lực về khoa học công nghệ, kinh nghiệm nghiên cứu và quản lý về xóa đói giảm nghèo ở nông thôn, cải thiện an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và sức khỏe, quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên; phát triển nông thôn tổng hợp, đào tạo phát triển nguồn nhân lực; hợp tác nghiên cứu; thu hút đầu tư của doanh nghiệp nông nghiệp của các nước vào Việt Nam, nhất là từ các nước phát triển, tăng cường gắn kết chuỗi giá trị, xử lý hài hoà vấn đề tiếp cận thị trường nông nghiệp với các thị trường lớn như Trung Quốc, Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, v.v...

Xây dựng tiêu chí thu hút FDI có chọn lọc cho ngành để thu hút dòng vốn FDI có chất lượng, giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối sản xuất trong nước với chuỗi sản xuất toàn cầu. Mở rộng xúc tiến đầu tư tại chỗ với các nhà đầu tư đã triển khai thành công tại Việt Nam. Xây dựng cơ chế đối thoại thường xuyên giữa cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp FDI trong ngành nông nghiệp. Tăng cường hoạt động và hiệu quả của Văn phòng đối tác công - tư cho nông nghiệp bền vững (PSAV) thông qua hoạt động của các nhóm đối tác công - tư ngành hàng nông lâm thủy sản.

Xây dựng mạng lưới trí thức và doanh nghiệp Việt Kiều tại các nhóm nước đối tác lớn trên thế giới (Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Úc, Nga...). Tổ chức hệ thống thông tin tạo tương tác thường xuyên giữa trí thức và doanh nghiệp Việt Kiều với các đối tác trong nước nhằm hỗ trợ kết nối thị trường, đầu tư, chuyển giao tri thức và công nghệ mới cho nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Tổ chức Diễn đàn hàng năm giữa Việt Kiều với ngành nông nghiệp Việt Nam.

Thúc đẩy quan hệ công chúng hiệu quả nâng cao hình ảnh, uy tín cho ngành nông nghiệp và sản phẩm nông nghiệp Việt Nam.

(Bảng phân công cụ thể các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Đề án kèm theo Quyết định này).

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đảm bảo trang thiết bị đồng bộ, hiện đại cho các cơ quan hợp tác quốc tế trong ngành nông nghiệp và PTNT và triển khai thực hiện Đề án:

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình/dự án giai đoạn 2021 - 2030.
3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.
4. Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Vụ Hợp tác quốc tế:

- Đầu mối, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, xây dựng và triển khai các nhiệm vụ đã đề ra trong Đề án; Phối hợp rà soát, đề xuất điều chỉnh, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện các cam kết, điều ước quốc tế, các thoả thuận quốc tế có liên quan đến nông nghiệp và PTNT.

- Xây dựng hệ thống và tổ chức giám sát, đánh giá thường xuyên nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực thực hiện đề án; định kỳ sơ kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện; tổng hợp, tham mưu đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn triển khai thực hiện Đề án, điều chỉnh đề án phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện thực tiễn.

- Định kỳ tổ chức Hội nghị hợp tác quốc tế ngành nhằm chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong công tác hợp tác quốc tế nhằm khai thác triệt để các lợi ích mà hợp tác quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế mang lại cho ngành.

b) Vụ Tài chính:

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách trung ương, trên cơ sở đề xuất của Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị trong Bộ, ưu tiên tổng hợp bố trí kinh phí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của ngân sách Bộ, và trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn để thực hiện các nhiệm vụ của Đề án; đảm bảo đầy đủ chi thường xuyên cho các hoạt động đối ngoại (đoàn ra, đoàn vào, hội nghị, hội thảo, niên liễm, kết nối doanh nghiệp, đàm phán, điều tra-khảo sát-nghiên cứu làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ thông báo theo cam kết quốc tế, bao gồm cả cam kết tại WTO, ...) của Bộ theo Kế hoạch đối ngoại trong trung và dài hạn.

c) Văn phòng Bộ: Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều chỉnh lại một số quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp, linh hoạt với các hoạt động đối ngoại và thực tế triển khai.

d) Các Cục, Vụ, Viện và các đơn vị có liên quan

- Thực hiện các nhiệm vụ theo như phân công trên cơ sở xây dựng, lồng ghép, bổ sung các nhiệm vụ về hợp tác quốc tế vào các kế hoạch, chương trình/dự án của đơn vị.

- Định kỳ 6 tháng và 1 năm báo cáo Bộ (thông qua Vụ Hợp tác quốc tế) tình hình thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Đề án cùng các nhiệm vụ hợp tác quốc tế khác.

2. Các Bộ, Ngành liên quan khác: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện Đề án. Các nội dung phối hợp chủ yếu bao gồm: rà soát ban hành văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng cơ chế phối hợp, cân đối nguồn vốn; đào tạo phát triển nguồn nhân lực về hợp tác quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế, đàm phán mở cửa thị trường, xúc tiến thương mại, thu hút ODA và FDI cũng như các hình thức đầu tư khác cho nông nghiệp và PTNT, tuyên truyền quảng bá hình ảnh nông nghiệp và nông thôn Việt Nam ra nước ngoài, quảng bá về các sản phẩm nông, lâm thủy sản gắn liền với ẩm thực, văn hoá, du lịch và môi trường.

3. Ủy ban Nhân dân các tỉnh/TP trực thuộc Trung ương

Chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn; xây dựng Đề án hoặc Kế hoạch thực hiện tại địa phương; ban hành các cơ chế, chính sách để thúc đẩy công tác hợp tác quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế tại địa phương.

4. Các Hiệp hội, doanh nghiệp và các đối tác quốc tế

Phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tuyên truyền nội dung Đề án; đề xuất các cơ chế, chính sách, kế hoạch phối hợp để thực hiện Đề án; hỗ trợ kinh phí và kỹ thuật triển khai thực hiện Đề án (nếu có).

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Phụ lục: PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA ĐỀ ÁN

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả	Ghi chú
I	Chủ động Hội nhập quốc tế, phát huy lợi thế tốt nhất của ngành nông nghiệp Việt Nam					
1.1	Đàm phán, ký kết các FTA song phương, đa phương	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024 - 2030	Các FTA được ký kết	
1.2	Rà soát, xây dựng và ban hành các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn về kiểm dịch và quản lý chất lượng sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn về môi trường và xã hội của các công ước quốc tế và các thị trường tiềm năng	Cục Bảo vệ thực vật, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ KHCN & MT và các đơn vị có liên quan	2024 - 2030	Hệ thống quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn đã hài hoà được ban hành	
1.3	Tuyên truyền, phổ biến các FTA, tình hình thị trường và chính sách của các thị trường nhập khẩu lớn	Vụ Hợp tác quốc tế	Văn phòng Bộ, Báo Nông nghiệp Việt Nam Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT Các đơn vị liên quan trong Bộ Các Hiệp hội ngành hàng Các Sở Nông nghiệp và PTNT	2024 - 2030	Các hội thảo, tập huấn được thực hiện đến các đối tượng có liên quan	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả	Ghi chú
1.4	Tổ chức Diễn đàn triển vọng ngành hàng để thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại	Vụ Hợp tác quốc tế	Các Cục chuyên ngành, Các Hiệp hội ngành hàng; Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT	2024 – 2030	Các Diễn đàn triển vọng thị trường các ngành hàng nông sản chủ lực như: Rau quả, gạo, cà phê, điều, tiêu, cao su, thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ, v.v... được tổ chức.	
1.5	Xây dựng thương hiệu, đăng ký và bảo hộ thương hiệu nông sản Việt Nam tại các thị trường trọng điểm.	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường,	Vụ Hợp tác quốc tế, Cục Trồng trọt và các cơ quan, doanh nghiệp và địa phương có liên quan	2024-2030	Các thương hiệu nông sản mới được xây dựng, đăng ký và bảo hộ	
1.6	Xây dựng các Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản tại các thị trường lớn, thu nhập cao (Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Canada, Úc-New Zealand)	Vụ Hợp tác quốc tế	Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024-2025	Các đề án được Bộ phê duyệt	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả	Ghi chú
1.7	Xây dựng các Đề án đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nông lâm thủy sản sang ASEAN, Ấn Độ, Trung Đông, Nam Á, Liên minh kinh tế Á – Âu, châu Phi, châu Mỹ Latinh.	Vụ Hợp tác quốc tế	Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024-2025	Các đề án được Bộ phê duyệt	
1.8	Xây dựng Chiến lược nhập khẩu nông lâm thủy sản cho Việt Nam đến năm 2030	Vụ Hợp tác quốc tế	Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024-2025	Chiến lược được Bộ phê duyệt	
1.9	Xây dựng Chiến lược và Kế hoạch hành động mở cửa thị trường nông lâm thủy sản.	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024	Chiến lược và kế hoạch được Bộ phê duyệt	
1.10	Tổ chức các Diễn đàn kết nối doanh nghiệp thường niên để kết nối doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp từ các thị trường tiềm năng	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị liên quan trong Bộ	2024-2030	Diễn đàn kết nối doanh nghiệp được tổ chức thường niên	
1.11	Xây dựng Đề án Marketing ngành nông nghiệp Việt Nam	Vụ Hợp tác quốc tế	Viện chính sách chiến lược nông nghiệp và PTNT Báo Nông nghiệp Việt Nam Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024-2025	Đề án được Bộ phê duyệt	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả	Ghi chú
1.12	Xây dựng mạng lưới liên minh giữa các nhà xuất khẩu NLTS lớn	Vụ Hợp tác quốc tế	Cục chất lượng, chế biến và phát triển thị trường Các Hiệp hội ngành hàng Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024-2025	Mạng lưới được thành lập.	
1.13	Phối hợp với Bộ Công thương và UBND các tỉnh, thành phố có liên quan xây dựng Đề án phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ xuất khẩu nông lâm thủy sản	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Vụ Hợp tác quốc tế Các đơn vị liên quan trong Bộ UBND các tỉnh, thành phố có liên quan	2024-2025	Đề án được trình Chính phủ	
1.14	Xây dựng nhóm cán bộ chuyên trách theo dõi, phân tích, dự báo thị trường xuất khẩu	Viện chính sách chiến lược nông nghiệp và PTNT	Vụ Hợp tác quốc tế Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024	QĐ thành lập nhóm	
1.15	Xây dựng kế hoạch xúc tiến thương mại nông lâm thủy sản gắn với quảng bá ẩm thực, văn hóa, du lịch và môi trường	Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường	Vụ Hợp tác quốc tế Các đơn vị có liên quan trong Bộ Bộ Ngoại giao, Công thương, Văn hóa – Thể thao – Du lịch	Hàng năm	Kế hoạch được Bộ phê duyệt.	
1.16	Xây dựng kế hoạch để xử lý dứt điểm Thẻ vàng IUU	Cục Kiểm ngư	Cục Thủy sản Vụ HTQT Các đơn vị liên quan	2024-2030	EU ra quyết định rút thẻ vàng	
2	Tăng cường quan hệ đối tác, xây dựng hình ảnh tốt đẹp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam					

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả	Ghi chú
2.1	Rà soát lại các nội dung hợp tác trong các UBLCP để điều chỉnh, bổ sung các nội dung hợp tác mới phù hợp với bối cảnh hiện nay	Vụ Hợp tác quốc tế	Bộ Ngoại giao và các Bộ ngành có liên quan	2024-2025	Báo cáo rà soát và các khuyến nghị được Bộ thông qua	
2.1	Xây dựng kế hoạch mở rộng quan hệ đối tác chiến lược và toàn diện với một số quốc gia và tham gia các tổ chức quốc tế lớn	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị liên quan trong Bộ Bộ Ngoại giao Các Hiệp hội ngành hàng	2024-2025	Kế hoạch được Bộ thông qua	
2.2	Xây dựng hệ thống thông tin về các đối tác quốc tế; các chương trình/dự án nông nghiệp và phát triển nông thôn	Vụ Hợp tác quốc tế	Trung tâm chuyển đổi số Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024-2025	Đề án/kế hoạch được Bộ phê duyệt	
2.3	Xây dựng đề án mở rộng mạng lưới Tham tán nông nghiệp tại các thị trường lớn và cử đại diện Việt Nam tham gia các tổ chức đa phương	Vụ Hợp tác quốc tế Vụ Tổ chức cán bộ	Bộ Ngoại giao Bộ Nội vụ	2024 - 2025	Đề án được CP phê duyệt	
2.4	Xây dựng đối tác hệ thống lương thực thực phẩm minh bạch, bền vững trách nhiệm.	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị liên quan trong Bộ Các địa phương Các Hiệp hội ngành hàng, các doanh nghiệp	2024 - 2025	Đối tác được thành lập	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả	Ghi chú
2.5	Xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo	Vụ Hợp tác quốc tế	Viện chính sách chiến lược nông nghiệp và PTNT Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024-2025	Trung tâm được xây dựng	
2.6	Xây dựng chương trình Sống cùng với Việt Nam	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị liên quan trong Bộ Các địa phương	2024 - 2030	Chương trình được hình thành và đi vào hoạt động	
2.7	Xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế đảm bảo an ninh nguồn nước xuyên biên giới	Cục Thủy lợi	Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị có liên quan trong Bộ	2024-2026	Kế hoạch được Bộ phê duyệt	
2.8	Xây dựng kế hoạch hợp tác về cứu hộ cứu nạn và phòng chống thiên tai	Cục Đê điều và PCTT	Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị có liên quan trong Bộ	2024-2026	Kế hoạch được Bộ phê duyệt	
2.9	Xây dựng kế hoạch hợp tác để triển khai các cam kết của Việt Nam trong các công ước về đa dạng sinh học, bảo vệ động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; sa mạc hoá	Vụ Khoa học CN & MT; Cục Lâm nghiệp; Cục Kiểm Lâm	Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị có liên quan trong Bộ	2024-2026	Các kế hoạch được Bộ phê duyệt	
2.10	Tiếp tục mở rộng và đẩy mạnh hoạt động thực chất và hiệu quả của các Nhóm đối tác trong ngành nông nghiệp đã có và các đối tác mới	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đối tác Các đơn vị liên quan	Thường xuyên	Số lượng đối tác tham gia; các đối tác, nhóm công tác mới được thành lập	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả	Ghi chú
2.11	Thúc đẩy hợp tác nông nghiệp với các nước Châu phi theo hình thức song phương, 3 hay nhiều bên. Xây dựng và triển khai Khung hợp tác Nam – Nam theo hình thức 3 bên.	Vụ Hợp tác quốc tế	Trung tâm khuyến nông quốc gia Các đơn vị liên quan trong Bộ Các Hiệp hội ngành hàng	2024-2030	Đề án hợp tác Nam – Nam và kế hoạch được phê duyệt, triển khai thực hiện.	
2.12	Tăng cường giám sát việc thực hiện hiệu quả các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đã ký kết;	Vụ Hợp tác quốc tế	Các Cục chuyên môn và các đơn vị trong bộ	2024 - 2030	Các cuộc kiểm tra giám sát được thực hiện định kỳ hàng năm	
2.13	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về các đối tác QT và các ĐUQT/TTQT trong lĩnh vực NN và PTNT mà Việt Nam đã tham gia	Trung tâm chuyên đổi số và TK	Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị có liên quan trong Bộ	2024	Cơ sở dữ liệu được hoàn thiện và cập nhật thường xuyên	
2.14	Xây dựng, hoàn thiện Quy chế hợp tác quốc tế ngành nông nghiệp và PTNT	Vụ Hợp tác quốc tế	Vụ Tổ chức cán bộ Văn phòng Bộ Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024	Quy chế được ban hành	
2.15	Củng cố, khôi phục lại mạng lưới hợp tác quốc tế của Bộ	Vụ Hợp tác quốc tế Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024-2025	Mạng lưới được khôi phục và được Bộ phê duyệt và đi vào hoạt động	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả	Ghi chú
2.16	Xây dựng đề án nâng cao năng lực hợp tác quốc tế cho các cán bộ ngành nông nghiệp và PTNT	Vụ Hợp tác quốc tế Vụ Tổ chức cán bộ	Các đơn vị liên quan trong Bộ Các địa phương Các Hiệp hội ngành hàng	2024-2025	Đề án được Bộ phê duyệt	
2.17	Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến nhằm tăng cường, nâng cao nhận thức về công tác đối ngoại, khai thác hiệu quả các lợi ích của hợp tác quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế mang lại thông qua triển khai các hiệp định, điều ước, thỏa thuận quốc tế, chương trình, dự án đã ký kết trong toàn ngành nông nghiệp và PTNT.	Vụ Hợp tác quốc tế	Văn phòng Bộ Báo Nông nghiệp Việt Nam Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024 - 2030	Các hội thảo, các sách hướng dẫn, các phim ngắn, các bản tin được tổ chức, xây dựng, biên soạn và phổ biến	
2.18	Xây dựng kế hoạch truyền thông quảng bá hình ảnh nông nghiệp, nông thôn Việt Nam ra nước ngoài	Vụ Hợp tác quốc tế Báo Nông nghiệp Việt Nam	Văn phòng Bộ Các đơn vị liên quan trong Bộ	2025	Kế hoạch được phê duyệt	
2.19	Xây dựng bộ tiêu chí về các nghi lễ, nghi thức, phép ứng xử trong quan hệ quốc tế ngành nông nghiệp và PTNT.	Vụ Hợp tác quốc tế	Văn phòng bộ Các đơn vị liên quan trong Bộ	2025	Bộ tiêu chí được ban hành	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả	Ghi chú
2.20	Tổ chức thi thiết kế logo của Bộ Nông nghiệp và PTNT trong giai đoạn phát triển mới và ý tưởng quà tặng đối ngoại của ngành nông nghiệp	Đoàn Thanh niên	Văn phòng Bộ Vụ Hợp tác quốc tế Công Đoàn Bộ	2025	Logo và ý tưởng quà tặng được chọn và triển khai	
3	Tối ưu hóa việc huy động và sử dụng nguồn lực bên ngoài cho ngành nông nghiệp và PTNT Việt Nam					
3.1	Hoàn thiện Quy chế quản lý ODA	Vụ Hợp tác quốc tế	Các đơn vị liên quan trong Bộ	2024-2025	Quy chế được ban hành	
3.2	Xây dựng đề án/kế hoạch thu hút vốn vay ODA và vốn viện trợ không hoàn lại cho các lĩnh vực ưu tiên của ngành đến năm 2030	Vụ Hợp tác quốc tế	Vụ Kế hoạch Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT Các đơn vị liên quan trong Bộ.	2024-2025	Đề án/Kế hoạch được Bộ phê duyệt	
3.3	Xây dựng Đề án thu hút và tăng cường hiệu quả của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) ngành nông nghiệp đến năm 2030.	Vụ Hợp tác quốc tế	Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT	2024	Đề án được Bộ phê duyệt	
3.4	Xây dựng Mạng lưới kết nối tri thức và doanh nghiệp Việt Kiều	Vụ Hợp tác quốc tế	Bộ Ngoại giao Các Đại sứ quán Việt Nam tại nước ngoài	2024-2025	Mạng lưới được hình thành	

STT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả	Ghi chú
3.5	Xây dựng Kế hoạch hợp tác nghiên cứu phát triển nông nghiệp, nông thôn giữa Bộ Nông nghiệp và PTNT với CGIAR giai đoạn 2025 - 2030	Vụ Hợp tác quốc tế	Bộ Ngoại giao; Các tổ chức thuộc CGIAR	2024-2025	Kế hoạch được thông qua	